

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 đã được kiểm toán.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì vốn Điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam).

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
- + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
- + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Tư vấn đầu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội
- Địa chỉ giao dịch hiện tại: K3B Thành Công - Ba Đình - Hà Nội
- Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Lê Hoàng Anh | Chủ tịch |
| - Ông Hoàng Quốc Huy | Phó Chủ tịch |
| - Bà Đoàn Thị Bích Hà | Ủy viên |
| - Ông Trịnh Thanh Giảng | Ủy viên |
| - Ông Trần Văn Long | Ủy viên |

Ban Giám đốc

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| - Ông Lê Hoàng Anh | Tổng Giám đốc |
| - Ông Hoàng Quốc Huy | Phó Tổng giám đốc |
| - Bà Đoàn Thị Bích Hà | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Huỳnh Thanh Quyết | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Phạm Vinh Hiền | Phó Tổng giám đốc |
| - Bà Lê Hoài Thu | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)*

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

*Thay mặt Ban Giám đốc,***CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**

Lê Hoàng Anh**Tổng Giám đốc***Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013*

Số : -13/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 được lập ngày 12 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang **06 đến trang 39 kèm theo**.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty chưa đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác để xem xét việc trích lập dự phòng và chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 11 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam giữ 10 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau

Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		564.397.768.513	578.838.607.768
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	48.271.908.036	98.468.525.759
1 Tiền	111		38.271.908.036	73.468.525.759
2 Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	25.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.2.	-	2.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.181.335.621	250.766.596.201
1 Phải thu của khách hàng	131		150.986.634.090	152.381.911.996
2 Trả trước cho người bán	132		29.756.803.086	26.435.510.872
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	83.937.898.445	88.449.173.333
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
IV Hàng tồn kho	140	V.4.	251.451.116.620	212.656.581.078
1 Hàng tồn kho	141		251.451.116.620	212.656.581.078
V Tài sản ngắn hạn khác	150		16.493.408.236	14.946.904.730
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		243.603.741	250.554.227
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.455.661.168	5.582.458.024
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5.	2.647.356.488	2.492.821.309
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.1.	7.146.786.839	6.621.071.170
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		269.968.404.594	244.904.762.521
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		128.092.455.501	100.741.530.905
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	20.701.426.412	23.978.712.578
- Nguyên giá	222		41.827.209.819	41.932.952.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.125.783.407)	(17.954.239.987)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	881.367.500	881.367.500
- Nguyên giá	228		881.367.500	881.367.500
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	106.509.661.589	75.881.450.827
III Bất động sản đầu tư	240	V.9.	919.092.000	919.092.000
- Nguyên giá	241		919.092.000	919.092.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		108.523.000.000	108.523.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		25.300.000.000	25.300.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.10.	83.223.000.000	83.223.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		3.021.357.093	3.046.139.616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	2.631.357.093	2.656.139.616
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		390.000.000	390.000.000
VI Lợi thế thương mại	269	VII.2.	29.412.500.000	31.675.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		834.366.173.107	823.743.370.289

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		521.878.218.254	511.681.254.885
I Nợ ngắn hạn	310		521.514.581.890	507.818.045.845
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	132.639.189.714	93.505.541.711
2 Phải trả người bán	312		232.261.533.485	247.783.969.411
3 Người mua trả tiền trước	313		130.524.348.601	124.218.347.589
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	1.039.134.466	7.875.119.610
5 Phải trả người lao động	315		187.043.853	272.886.802
6 Chi phí phải trả	316	V.14.	10.839.297.370	13.386.734.685
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	7.404.876.613	15.495.850.175
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.619.157.788	5.279.595.862
II Nợ dài hạn	330		363.636.364	3.863.209.040
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	-	3.863.209.040
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17.	363.636.364	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		249.495.021.271	252.047.564.890
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	249.495.021.271	252.047.564.890
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
4 Cổ phiếu quỹ	414		(21.066.057.403)	(20.556.210.837)
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		17.976.652.601	15.979.727.736
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		3.867.600.000	3.255.400.000
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(15.062.200.327)	(10.410.378.409)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		62.992.933.582	60.014.550.514
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		834.366.173.107	823.743.370.289

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19.	271.223.587.553	387.854.659.521
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		271.223.587.553	387.854.659.521
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	248.208.651.076	364.441.317.636
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.014.936.477	23.413.341.885
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	725.060.120	24.741.295.989
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	5.695.210.177	20.029.753.555
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.695.210.177	20.029.753.555
8 Chi phí bán hàng	24	VII.3.	23.000.000	4.900.000
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4.	17.521.040.336	18.683.132.058
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		500.746.084	9.436.852.261
11 Thu nhập khác	31	VII.5.	1.680.479.074	577.260.987
12 Chi phí khác	32	VII.6.	1.011.822.324	896.152.219
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		668.656.750	(318.891.232)
14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.169.402.834	9.117.961.029
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		425.521.521	443.319.499
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		743.881.313	8.674.641.530
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		222.905.134	208.367.902
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		520.976.179	8.466.273.628
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24.	29	449

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01	474.156.378.592	690.416.302.419
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02	(521.598.580.495)	(550.175.027.446)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.824.815.570)	(58.080.931.801)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(5.695.210.177)	(20.029.753.555)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(835.982.160)	(644.537.258)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.280.072.262	174.722.835.594
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(34.894.952.356)	(148.552.428.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(84.413.089.904)	87.656.458.985
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(941.707.775)	(1.032.414.855)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22	179.247.116	498.472.727
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(71.994.333.334)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000	80.754.333.334
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	25.541.780.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.560.309.357	1.400.610.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.797.848.698	35.168.448.421
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.312.810.000	12.856.287.104
2 Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	253.644.516.888	160.145.337.713
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(218.374.077.925)	(307.160.742.743)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.164.625.480)	(226.017.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	31.418.623.483	(134.385.134.926)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(50.196.617.723)	(11.560.227.520)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	98.468.525.759	75.501.372.873

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)**Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	48.271.908.036	63.941.145.353

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013***CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM****Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Thị Hải Yến****Lê Hoài Thu****Lê Hoàng Anh**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì: Vốn Điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam).

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molypden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
- + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
- + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Tư vấn đầu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội
- Địa chỉ giao dịch hiện tại: K3B Thành Công - Ba Đình - Hà Nội
- Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

4. Danh sách các Công ty con được thực hiện hợp nhất

- Tổng số các Công ty con: 04 Công ty
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 04 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1 | - Địa chỉ: số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội |
| | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75,50% |
| | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,50% |
| 2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí | - Địa chỉ: Tầng 3 Nhà C, 125 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội |
| | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 59,31% |
| | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 59,31% |
| 3. Công ty Cổ phần Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn | - Địa chỉ: 96/108 Đường Trục, phường 13, Q. Bình Thạnh, HCM. |
| | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 82,00% |
| | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 82,00% |
| 4. Công ty Cổ phần sản xuất Cửa Hoa Kỳ | - Địa chỉ: Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội. |
| | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,69% |
| | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,69% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh vào trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu khí - Địa chỉ: Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
- Tỷ lệ phần sở hữu: 43,43%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 43,43%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Đầu tư vào Công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 30/06/2013. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi (lỗ) chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp".

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các **công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp**. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2013.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất 6% - 9%/năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp thực tế đích danh

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:**

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh} = \frac{\text{Tổng chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	02-07
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.3 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội.

Đầu tư đầu tư vào Công ty liên kết (Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí) và các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh và góp vốn vào Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Các chi phí đi vay phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy theo đúng điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản cổ phiếu mà công ty con mua lại của Công ty mẹ được trình bày là khoản Cổ phiếu quỹ.

Đợt 1: Theo Nghị quyết số 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 08/02/2011 đến 31/03/2011 và thông báo chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 29/02/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND.

Đợt 2: Theo Nghị quyết số 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 06/05/2011 đến 06/07/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND.

Đợt 3: Theo nghị quyết số 01-1/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 01 năm 2013 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 214.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện dự kiến trong Quý 1 năm 2013. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 114.000 cổ phiếu với tổng giá trị 509.846.566 VND.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.
- Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.
- Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, sau khi đã trừ đi phần chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí tài chính báo nợ xuống các chi nhánh, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Riêng, khoản phải thu khác của Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào tại thời điểm 30/06/2013 là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK được ký kết giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) với Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào với thời hạn cho vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 với lãi suất thời điểm tính bằng mức trung bình lãi suất cho vay tổ chức của bốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà nước tương ứng tại thời điểm chốt lãi trừ đi 1%/năm. (Trong đó: nợ gốc cho vay là 55 tỷ đồng; lãi vay phát sinh từ ngày 31/1/2010 đến ngày 31/12/2011 là 6.025.555.900 VND). Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng trên số tiền lãi phải thu của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào mà chỉ thực hiện trích lập dự phòng bằng 30% số tiền nợ gốc cho vay đã quá hạn thanh toán 17 tháng với giá trị là 16.500.000.000 VND

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định, khoản vay qua phát hành trái phiếu của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

11.4 Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với các hoạt động xây lắp và hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, cho thuê thiết bị và giá vốn bán Vật tư.

- Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế phát sinh của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	445.487.701	389.217.806
Tiền gửi ngân hàng	37.826.420.335	73.079.307.953
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	28.556.272.133	66.573.009.631
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	9.877.426.609	23.873.498.822
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	18.678.845.524	42.699.510.809
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	1.612.929.119	5.208.266.611
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.542.708.540	5.058.464.761
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	70.220.579	149.801.850
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	599.109.298	31.110.118
Ngân hàng TMCP Quân đội	599.109.298	31.110.118
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	85.972.622	28.029.254
Ngân hàng TMCP Quân đội	83.489.666	28.029.254

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.482.956	-
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	6.972.137.163	1.238.892.339
Ngân hàng TMCP Quân Đội	6.972.137.163	1.238.892.339
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	25.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Quân đội	10.000.000.000	25.000.000.000
Tổng cộng	48.271.908.036	98.468.525.759

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	2.000.000.000
Tổng cộng	-	2.000.000.000

3. Các khoản phải thu khác	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	79.326.357.902	83.463.997.196
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Thương mại Việt Hàn (ii)	-	3.295.861.000
Công ty TNHH Phong Thịnh (iii)	11.347.160.000	11.347.160.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iv)	3.436.929.990	3.436.929.990
Đối tượng khác	3.516.712.012	4.358.490.306
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	1.314.183.111	751.347.328
Thuế thu nhập cá nhân	88.036.362	94.342.841
Bảo hiểm xã hội	9.700.214	18.284.524
Bảo hiểm y tế	8.734.839	10.656.172
Bảo hiểm thất nghiệp	77.069.375	-
Phải thu khác	1.130.642.321	628.063.791
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	1.009.833.540	2.265.082.777
Các đối tượng khác	1.009.833.540	2.265.082.777
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	3.830.190	1.927.600
Phải thu BHXH	3.830.190	1.927.600
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	2.283.693.702	1.966.818.432
Cán bộ công nhân viên Công ty	12.900.000	10.500.000
Đối tượng khác	2.270.793.702	1.956.318.432
Tổng cộng	83.937.898.445	88.449.173.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

(i) Là khoản cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và nợ lãi vay là 6.025.555.900 VND.

(ii) Là khoản thu gốc và lãi khoản đầu tư theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/2011 ngày 30/06/2011 thời hạn thanh toán sau 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chia thành 03 lần. Hết thời hạn thanh toán lần 3, khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả không quá 30 ngày, mức lãi suất áp dụng là lãi suất quá hạn cho Doanh nghiệp vay thời hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại thời điểm trả lãi.

(iii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasí, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

(iv) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng số 122/2009 ngày 02/06/2009.

4. Hàng tồn kho	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.936.244	60.728.338
Công cụ, dụng cụ	11.652.273	17.142.136
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	251.383.528.103	212.578.710.604
Hàng hóa	-	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	251.451.116.620	212.656.581.078

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 30/06/2013 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Chung cư cao tầng CT9 Văn Phú; Bệnh viện K - Cơ sở Tân Triều;...

5. Thuế và các khoản Phải thu Nhà nước	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.492.821.309	2.492.821.309
Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa	154.535.179	-
Tổng cộng	2.647.356.488	2.492.821.309

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2013	5.118.660.660	28.504.040.655	7.778.151.589	532.099.661	41.932.952.565
Mua trong năm	-	-	781.938.455	42.727.273	824.665.728
Thanh lý, nhượng bán	-	(46.547.441)	-	(58.000.000)	(104.547.441)
Giảm khác	-	(704.703.457)	-	(121.157.576)	(825.861.033)
Số dư ngày 30/06/2013	5.118.660.660	27.752.789.757	8.560.090.044	395.669.358	41.827.209.819
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2013	1.559.217.580	11.415.819.609	4.556.206.554	422.996.244	17.954.239.987
Khấu hao trong năm	264.070.353	2.582.257.221	608.446.389	55.461.888	3.510.235.851
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.423.419)	-	(42.500.000)	(73.923.419)
Giảm khác	-	(187.770.011)	-	(76.999.001)	(264.769.012)
Số dư ngày 30/06/2013	1.823.287.933	13.778.883.400	5.164.652.943	358.959.131	21.125.783.407
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2013	3.559.443.080	17.088.221.046	3.221.945.035	109.103.417	23.978.712.578
Tại ngày 30/06/2013	3.295.372.727	13.973.906.357	3.395.437.101	36.710.227	20.701.426.412

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 697.839.765 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 880.049.194 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND;

- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND.

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2013	881.367.500	881.367.500
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 30/06/2013	881.367.500	881.367.500
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2013	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 30/06/2013	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	881.367.500	881.367.500
Tại ngày 30/06/2013	881.367.500	881.367.500

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

30/06/2013

01/01/2013

VND

VND

Cao ốc VP 407 Nguyễn An Ninh	2.111.211.763	2.111.211.763
Dự án khu đô thị mới Tứ Hiệp	104.398.449.826	73.770.239.064
Tổng cộng	106.509.661.589	75.881.450.827

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2013
Nguyên giá BĐS đầu tư	919.092.000	-	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	919.092.000	-	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000

10. Đầu tư dài hạn khác

30/06/2013

01/01/2013

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác		83.223.000.000		83.223.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Công ty Chakkaphanh Mining Group	-	77.022.500.000	-	77.022.500.000
Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	-	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Tổng cộng		83.223.000.000		83.223.000.000
11. Chi phí trả trước dài hạn		30/06/2013		01/01/2013
		VND		VND
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</i>		<i>555.565.158</i>		<i>890.282.182</i>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		555.565.158		890.282.182
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1</i>		<i>162.841.330</i>		<i>161.918.067</i>
Chi phí thuê văn phòng		134.255.080		136.053.067
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng		28.586.250		25.865.000
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>		<i>209.696.758</i>		<i>197.092.025</i>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		209.696.758		197.092.025
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>		<i>56.374.474</i>		<i>115.365.209</i>
Công cụ, dụng cụ		51.442.424		70.782.082
Chi phí khác		4.932.050		44.583.127
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>		<i>1.646.879.373</i>		<i>1.291.482.133</i>
Chi phí thuê văn phòng, khác		1.457.482.012		1.102.084.772
Công cụ, dụng cụ		189.397.361		189.397.361
Tổng cộng		2.631.357.093		2.656.139.616
12. Vay và nợ ngắn hạn		30/06/2013		01/01/2013
		VND		VND
Vay ngắn hạn		132.639.189.714		93.505.541.711
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</i>		<i>99.613.993.929</i>		<i>81.455.982.816</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)		41.467.707.707		12.882.081.514
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)		58.146.286.222		68.573.901.302
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1</i>		<i>12.294.865.542</i>		<i>2.535.626.800</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)		12.294.865.542		2.535.626.800
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>		<i>30.834.000</i>		<i>239.650.000</i>
Nguyễn Thúy Hoàn		30.834.000		39.650.000
Nguyễn Thúy Nga		-		200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	20.699.496.243	9.274.282.095
Ngân hàng TMCP Quân Đội (iv)	20.699.496.243	9.274.282.095
Tổng cộng	132.639.189.714	93.505.541.711

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16.13.003.5466.TD ngày 28/01/2013. Trong đó, Các điều kiện và Điều khoản Chung được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và ngắn hạn số 99.09.003.5466.DKTD ngày 06/08/2009. Doanh số cho vay tối đa của các khoản tín dụng là 237.000.000.000 VND. Hạn mức công trình: 48.000.000.000 VND. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 06/10/2015. Ngày đáo hạn đối với khoản tín dụng dưới hình thức giải ngân các khoản vay thuộc hạn mức tín dụng tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó. Lãi suất tại thời điểm giải ngân được xác định trên cơ sở kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng đã được phê duyệt và chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quân đội. Lãi suất áp dụng cho từng khoản Vay sẽ được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ. Kỳ tính lãi theo tháng. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 84.13.003.5466.TD ngày 10/6/2013. Trong đó, Các điều kiện và Điều khoản Chung được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và ngắn hạn số 99.09.003.5466.DKTD ngày 06/8/2009. Doanh số cho vay tối đa của các khoản tín dụng là 23.000.000.000 VND. Hạn mức công trình: 8.000.000.000 VND. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/08/2013. Ngày đáo hạn đối với khoản tín dụng dưới hình thức giải ngân các khoản vay thuộc hạn mức tín dụng tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó. Lãi suất tại thời điểm giải ngân được xác định trên cơ sở kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng đã được phê duyệt và chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quân đội. Lãi suất áp dụng cho từng khoản Vay sẽ được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ. Kỳ tính lãi theo tháng. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 85.13.003.5466.TD ngày 10/6/2013. Trong đó, Các điều kiện và Điều khoản Chung được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và ngắn hạn số 99.09.003.5466.DKTD ngày 06/8/2009. Doanh số cho vay tối đa của các khoản tín dụng là 57.500.000.000 VND. Hạn mức công trình: 23.000.000.000 VND. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/08/2013. Ngày đáo hạn đối với khoản tín dụng dưới hình thức giải ngân các khoản vay thuộc hạn mức tín dụng tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó. Lãi suất tại thời điểm giải ngân được xác định trên cơ sở kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng đã được phê duyệt và chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quân đội. Lãi suất áp dụng cho từng khoản Vay sẽ được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ. Kỳ tính lãi theo tháng. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam theo:

- Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 2012/HH-HĐTDNTBVK-1) ngày 24/12/2012. Theo đó: tổng số tiền cho vay: 55.000.000.000 VND. Tổng dư nợ cho vay ngắn hạn của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào không vượt quá 100.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng tối đa là 06 tháng/01 khoản vay. Lãi suất áp dụng: quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo khoản vay: quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ thuộc sở hữu của công ty CP Hồng Hà Việt Nam phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số XL01/2009/HĐKT-XD ngày 15/10/2009.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/HĐTDCTVK-NH/2012 ngày 24/12/2012. Tổng số tiền vay: 40.000.000.000 VND. Mục đích vay: vay thi công công trình Bệnh viện K cơ sở Tân Triều. Thời hạn vay tối đa: 06 tháng. Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 13%/năm. Ngày tính lãi là ngày 23 hàng tháng.

(iii) Vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 04.09.003.44541.TD ngày 12/06/2009 quy định các điều khoản chung và Các hợp đồng hạn mức tín dụng ký với từng công trình. Doanh số cho vay, giới hạn tối đa từng lần giải ngân, thời hạn trả nợ, lãi suất cho vay, tài sản đảm bảo được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ.

(iv) Thời hạn vay 04 tháng, lãi suất 15%-10%

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	307.901.883	6.990.610.186
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	267.485.274	677.945.913
Thuế Thu nhập cá nhân	463.747.309	206.563.511
Tổng cộng	1.039.134.466	7.875.119.610
14. Chi phí phải trả	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	10.839.297.370	13.386.734.685
Tổng cộng	10.839.297.370	13.386.734.685
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	4.155.169.778	14.041.060.844
Cổ tức phải trả	723.111.000	7.961.455.000
Phải trả khác	3.432.058.778	6.079.605.844
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	1.073.390.724	369.594.268
Kinh phí công đoàn	15.649.070	46.784.332
Phải trả khác	1.057.741.654	322.809.936
Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	17.150.000	17.150.000
Phải trả khác	17.150.000	17.150.000
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	1.179.373.106	105.753.990
Kinh phí công đoàn	104.620.861	100.729.410
BHYT	79.828.560	33.880
Đối tượng khác	994.923.685	4.990.700
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	979.793.005	962.291.073

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Bảo hiểm xã hội	147.177.602	129.275.670
Phải trả khác	832.615.403	833.015.403
Tổng cộng	7.404.876.613	15.495.850.175

16. Vay và nợ dài hạn	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	-	3.863.209.040
<i>Công ty CP Hồng Hà Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>3.863.209.040</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	3.863.209.040
Tổng cộng	-	3.863.209.040

(i) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay số 247.09.003.5466.TD thời hạn vay 4 năm, lãi suất thả nổi 10,5%/năm.

17. Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Doanh thu Thiết kế bản vẽ công trình	363.636.364	-
Tổng cộng	363.636.364	-

18. Vốn chủ sở hữu				
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	200.000.000.000	59.696.774.500	(9.071.723.516)	250.625.050.984
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	324.516.315	324.516.315
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1.663.171.208)	(1.663.171.208)
Số dư tại ngày 31/12/2012	200.000.000.000	59.696.774.500	(10.410.378.409)	249.286.396.091
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	520.976.179	520.976.179
Giảm khác	-	-	(5.172.798.097)	(5.172.798.097)
Số dư tại ngày 30/06/2013	200.000.000.000	59.696.774.500	(15.062.200.327)	244.634.574.173
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2013	01/01/2013		
	VND	VND		
Cổ đông của Công ty	200.000.000.000	200.000.000.000		
Tổng cộng	200.000.000.000	200.000.000.000		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Từ ngày 01/01/2013 Từ ngày 01/01/2012
đến 30/06/2013 đến 30/06/2012

	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

đ) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.786.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.900.000	1.786.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.214.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.100.000	18.214.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2013
Quỹ đầu tư phát triển	15.979.727.736	1.996.924.865	-	17.976.652.601
Quỹ dự phòng tài chính	3.255.400.000	612.200.000	-	3.867.600.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.082.251.900	-	-	4.082.251.900
Tổng cộng	23.317.379.636	2.609.124.865	-	25.926.504.501

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

19. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	269.981.964.394	382.560.842.693
Doanh thu hoạt động khác	1.241.623.159	5.293.816.828
Tổng cộng	271.223.587.553	387.854.659.521
20. Giá vốn hàng bán	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	246.406.856.912	360.190.749.954
Giá vốn hoạt động khác	1.801.794.164	4.250.567.682
Tổng cộng	248.208.651.076	364.441.317.636
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	575.159.120	926.332.772
Lãi cho vay vốn thi công	-	16.726.743.217
Cổ tức, lợi nhuận được chia	149.901.000	120.000.000
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	-	6.968.220.000
Tổng cộng	725.060.120	24.741.295.989
22. Chi phí tài chính	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.695.210.177	20.029.753.555
Tổng cộng	5.695.210.177	20.029.753.555

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	278.907.387.440	402.578.300.845
Chi phí nhân công	90.652.343.821	83.839.466.387
Chi phí máy thi công	20.056.424.382	9.312.991.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.510.235.851	4.145.570.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	23.305.733.186	33.135.248.631
Tổng cộng	416.432.124.680	533.011.577.303

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	520.976.179	8.466.273.628
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	520.976.179	8.466.273.628
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.214.000	18.863.266
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	449

25. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.12 và V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****Các loại Công cụ tài chính****Giá trị ghi sổ**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.271.908.036	98.468.525.759
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	234.924.532.535	240.831.085.329
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	83.223.000.000	83.223.000.000
Tổng cộng	366.419.440.571	424.522.611.088
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	132.639.189.714	97.368.750.751
Phải trả người bán và phải trả khác	239.666.410.098	263.279.819.586
Chi phí phải trả	10.839.297.370	13.386.734.685
Tổng cộng	383.144.897.182	374.035.305.022

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	239.666.410.098	-	239.666.410.098
Chi phí phải trả	10.839.297.370	-	10.839.297.370
Các khoản vay	132.639.189.714	-	132.639.189.714
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	263.279.819.586	-	263.279.819.586
Chi phí phải trả	13.386.734.685	-	13.386.734.685
Các khoản vay	93.505.541.711	3.863.209.040	97.368.750.751

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.271.908.036	-	48.271.908.036
Các khoản đầu tư tài chính	-	83.223.000.000	83.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	234.924.532.535	-	234.924.532.535
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.468.525.759	-	98.468.525.759
Các khoản đầu tư tài chính	2.000.000.000	83.223.000.000	85.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	240.831.085.329	-	240.831.085.329

VII. Những thông tin khác

1. Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	346.543.390	302.456.490
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	60.218.000	29.604.000
Đàm Đức Khiêm	34.700.000	10.586.000
Nguyễn Mạnh Chiến	15.000.000	7.500.000
Các đối tượng khác	10.518.000	11.518.000
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	11.000.000	11.000.000
Trịnh Thanh Bình	-	6.000.000
Nguyễn Văn Hòa	6.000.000	-
Nguyễn Văn Hùng	5.000.000	5.000.000
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	22.000.000	12.000.000
Lê An Giang	4.000.000	4.000.000
Đỗ Thị Hà	10.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Nguyễn Thị Hồng Nhung	5.000.000	5.000.000
Nguyễn Huy Bình	3.000.000	-
Nguyễn Thị Thuý Liễu	-	3.000.000
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	253.325.390	249.852.490
Bùi Huy Long	207.564.390	211.353.090
Công trình Cầu Bươu	26.000.000	26.000.000
Các đối tượng khác	19.761.000	12.499.400
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.800.243.449	6.318.614.680
Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	5.903.373.583	5.041.405.735
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.903.364.504	5.018.050.906
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	9.079	23.354.829
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	434.464.550	427.308.945
Ký quỹ đảm bảo thanh toán	434.464.550	427.308.945
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	439.678.200	699.900.000
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	22.727.116	-
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	150.000.000
Ủy ban nhân dân xã Tứ Hiệp - ký quỹ bảo dưỡng đường	-	150.000.000
Tổng cộng	7.146.786.839	6.621.071.170
2. Lợi thế thương mại	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào:		
<i>Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	<i>29.412.500.000</i>	<i>31.675.000.000</i>
Tổng cộng	29.412.500.000	31.675.000.000
Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ và phần giá trị vốn góp thực tế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính của Công ty con phát sinh khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được phân bổ đều vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong 10 năm.		
3. Chi phí bán hàng	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.000.000	4.900.000
Tổng cộng	23.000.000	4.900.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.253.137.520	8.534.343.037
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	519.654.044	156.111.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.227.219.784	1.398.130.160
Thuế, phí và lệ phí	166.891.690	62.575.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.508.950.930	4.376.104.168
Chi phí bằng tiền khác	1.582.686.368	1.886.067.011
Lợi thế thương mại	2.262.500.000	2.269.801.000
Tổng cộng	17.521.040.336	18.683.132.058
5. Thu nhập khác	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	122.029.091	501.090.909
Thu nhập khác	1.558.449.983	76.170.078
Tổng cộng	1.680.479.074	577.260.987
6. Chi phí khác	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	15.124.022	143.357.828
Chi phí khác	996.698.302	752.794.391
Tổng cộng	1.011.822.324	896.152.219

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***7. Báo cáo bộ phận****7.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
1. Doanh thu bán hàng	165.547.710.316	57.556.789.662	160.893.575.586	383.998.075.564	(112.774.488.011)	271.223.587.553
2. Giá vốn hàng bán	153.594.758.446	55.795.728.659	151.592.651.982	360.983.139.087	(112.774.488.011)	248.208.651.076
Lợi nhuận gộp	11.952.951.870	1.761.061.003	9.300.923.604	23.014.936.477	-	23.014.936.477

7.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là xây lắp, chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	792.719.329.225	9.736.929.990	226.669.461.625	1.029.125.720.840	(194.759.547.733)	834.366.173.107
Tổng tài sản hợp nhất	792.719.329.225	9.736.929.990	226.669.461.625	1.029.125.720.840	(194.759.547.733)	834.366.173.107
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	584.829.884.656	390.000.000	12.003.590.941	597.223.475.597	(75.345.257.343)	521.878.218.254
Tổng nợ phải trả hợp nhất	584.829.884.656	390.000.000	12.003.590.941	597.223.475.597	(75.345.257.343)	521.878.218.254

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	870.549.618.444	6.300.000.000	140.620.695.131	1.017.470.313.575	(193.726.943.286)	823.743.370.289
Tổng tài sản hợp nhất	870.549.618.444	6.300.000.000	140.620.695.131	1.017.470.313.575	(193.726.943.286)	823.743.370.289
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	510.077.446.360	3.691.332.285	82.393.287.594	596.162.066.239	(84.480.811.354)	511.681.254.885
Tổng nợ phải trả hợp nhất	510.077.446.360	3.691.332.285	82.393.287.594	596.162.066.239	(84.480.811.354)	511.681.254.885

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	382.127.946.002	-	1.870.129.562	383.998.075.564	(112.774.488.011)	271.223.587.553
Doanh thu hoạt động tài chính	1.284.247.394	-	346.812.726	1.631.060.120	(906.000.000)	725.060.120
Chi phí sản xuất kinh doanh	379.424.526.376	-	2.535.363.224	381.959.889.600	(110.511.988.011)	271.447.901.589
- Giá vốn hàng bán	358.552.838.520	-	2.430.300.567	360.983.139.087	(112.774.488.011)	248.208.651.076
- Chi phí tài chính	5.695.210.177	-	-	5.695.210.177	-	5.695.210.177
- Chi phí bán hàng	-	-	23.000.000	23.000.000	-	23.000.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.176.477.679	-	82.062.657	15.258.540.336	2.262.500.000	17.521.040.336
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.987.667.020	-	(318.420.936)	3.669.246.084	(3.168.500.000)	500.746.084
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	571.441.549	-	97.215.201	668.656.750	-	668.656.750
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	4.559.108.569	-	(221.205.735)	4.337.902.834	(3.168.500.000)	1.169.402.834

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	560.019.899.111	-	6.517.448.502	566.537.347.613	(178.682.688.092)	387.854.659.521
Doanh thu hoạt động tài chính	1.103.496.786	-	24.868.994.203	25.972.490.989	(1.231.195.000)	24.741.295.989
Chi phí sản xuất kinh doanh	563.227.829.115	-	17.122.356.226	580.350.185.341	(177.191.082.092)	403.159.103.249
- Giá vốn hàng bán	537.649.806.372	-	5.474.199.356	543.124.005.728	(178.682.688.092)	364.441.317.636
- Chi phí tài chính	11.403.334.777	-	9.404.613.778	20.807.948.555	(778.195.000)	20.029.753.555
- Chi phí bán hàng	-	-	4.900.000	4.900.000	-	4.900.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.174.687.966	-	2.238.643.092	16.413.331.058	2.269.801.000	18.683.132.058
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.104.433.218)	-	14.264.086.479	12.159.653.261	(2.722.801.000)	9.436.852.261
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	131.693.084	-	(450.584.316)	(318.891.232)	-	(318.891.232)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(1.972.740.134)	-	13.813.502.163	11.840.762.029	(2.722.801.000)	9.117.961.029

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2012 của Công ty CP Hồng Hà Dầu khí nay là Công ty CP Hồng Hà Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013***CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM****Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Thị Hải Yến****Lê Hoài Thu****Lê Hoàng Anh**